

TIẾT 80: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.

- Rèn kĩ năng giải toán về tỉ số phần trăm.

- HS làm bài 1a, bài 2(a), bài 3.

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
- Cho HS hát - Cho HS làm: + Tìm một số biết 30% của nó là 72 ? - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS làm: $72 \times 100 : 30 = 240$ - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút)	
<i>* Mục tiêu:</i> - Biết thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm. - HS làm bài 1a, bài 2(a), bài 3 . <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1a: Cá nhân - HS đọc yêu cầu. - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính. - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng cả về cách đặt tính lẫn kết quả tính - GV nhận xét Bài 2a: HĐ cá nhân - Bài 2 yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS làm bài - GV cho HS nhận xét bài làm của nhau	- Tính - HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở - HS đổi chéo vở nhận xét, HS nhận xét bảng lớp, cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến. - Kết quả tính đúng là : a) $216,72 : 42 = 5,16$ - Tính giá trị của biểu thức - HS cả lớp làm bài vào vở. - HS nhận xét bài bạn, HS chia sẻ, cả

trong vở - GV nhận xét chữa bài. Yêu cầu HS nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức. Bài 3: HD cá nhân - GV gọi HS đọc đề bài toán trước lớp. - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài - Bài toán cho biết gì? - Bài toán y/c tìm gì? - Y/c HS tóm tắt làm bài vào vở, 1 HS chia sẻ - GV nhận xét chữa bài Bài 2b(M3,4): HD cá nhân - Cho HS đọc bài và làm bài vào vở - GV quan sát uốn nắn HS	lớp theo dõi và bổ sung. a) $(131,4 - 80,8) : 2,3 + 21,84 \times 2$ $= 50,6 : 2,3 + 21,84 \times 2$ $= 22 + 43,68$ $= 65,68$ - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ Giải a) Từ cuối năm 2000 đến cuối 2001 số người thêm là: $15875 - 15625 = 250$ (người) Tỉ số % số dân tăng thêm là: $250 : 15625 = 0,016$ $0,016 = 1,6\%$ b) Từ cuối năm 2001 đến cuối năm 2002 số người tăng thêm là: $15875 \times 1,6 : 100 = 254$ (người) Cuối năm 2002 số dân của phường đó là: $15875 + 254 = 16129$ (người) Đáp số: 16129 người - HS làm bài, báo cáo giáo viên b) $8,16 : (1,32 + 3,48) - 0,345 : 2$ $= 8,16 : 4,8 - 0,1725$ $= 1,7 - 0,1725$ $= 1,5275$
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng làm phép tính sau: $(48,2 + 22,69) : 8,5$	- HS làm bài $(48,2 + 22,69) : 8,5 = 70,89 : 8,5$ $= 8,34$
- Về nhà tìm các bài toán liên quan đến các phép tính với số thập phân để làm thêm	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Tập đọc

TIẾT 33: NGU CÔNG XÃ TRỊNH TƯỜNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu ý nghĩa bài văn : Ca ngợi ông Lìn cần cù, sáng tạo, dám thay đổi tập quán canh tác của cả một vùng, làm thay đổi cuộc sống của cả thôn. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

- Biết đọc diễn cảm bài văn .

* GDBVMT: Khai thác gián tiếp nội dung bài. GV: Ông Phàn Phù Lìn xứng đáng được Chủ tịch nước khen ngợi không chỉ vì thành tích giúp đỡ bà con thôn bản làm kinh tế giỏi mà còn nêu tấm gương sáng về bảo vệ dòng nước thiên nhiên và trồng cây gây rừng để giữ gìn môi trường sống đẹp.

2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Có ý thức và trách nhiệm học tập cần cù, chủ động, sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Tổ chức cho học sinh thi đọc bài <i>Thầy cúng đi bệnh viện</i> - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài và tựa bài: <i>Ngư Công xã Trịnh Tường.</i>	- Học sinh thực hiện. - Lắng nghe. - Học sinh nhắc lại tên bài và mở sách giáo khoa.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: 2.1. Luyện đọc: (12 phút) *Mục tiêu: - Rèn đọc đúng từ khó trong bài : <i>nguồn nghèo, lúa nương, lúa nước, lúa lai...</i> - Rèn đọc đúng câu, từ, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới: <i>Ngư Công, cao sản....</i> *Cách tiến hành:	
- Cho HS đọc toàn bài. - Cho HS nối tiếp nhau đọc toàn bài trong nhóm - Luyện đọc theo cặp. - HS đọc toàn bài - GV đọc mẫu.	- 1 HS đọc toàn bài, chia đoạn + Đoạn 1: <i>Từ đầu.....trồng lúa</i> + Đoạn 2: <i>Tiếp...như trước nước</i> + Đoạn 3: <i>Còn lại</i> - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc + HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó. + HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. + Thi đọc đoạn giữa các nhóm - 2 HS đọc cho nhau nghe - 1 HS đọc - HS theo dõi.

2.2. HĐ Tìm hiểu bài: (20 phút)

***Mục tiêu:** Hiểu ý nghĩa bài văn : Ca ngợi ông Lìn cần cù, sáng tạo, dám thay đổi tập quán canh tác của cả một vùng, làm thay đổi cuộc sống của cả thôn. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

***Cách tiến hành:**

- Cho HS đọc câu hỏi trong SGK - Giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc bài và TLCH, chia sẻ trước lớp. + Đến huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai mọi người sẽ ngạc nhiên vì điều gì? + Ông Lìn đã làm thế nào để đưa nước về thôn? + Nhờ có ruộng nước, tập quán canh tác và cuộc sống ở nông thôn Phìn Ngan đã thay đổi như thế nào? + Ông Lìn đã nghĩ ra cách gì để giữ rừng bảo vệ dòng nước? + Thảo quả là cây gì? + Cây thảo quả mang lại lợi ích gì cho bà con Phìn Ngan? + Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? + Nội dung bài nói lên điều gì? Lưu ý: - Đọc đúng: M1, M2 - Đọc hay: M3, M4	- HS đọc - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận TLCH sau đó chia sẻ trước lớp - Mọi người hết sức ngỡ ngàng thấy một dòng ruộng ngoằn ...đồi cao. - Ông đã lần mò trong rừng sâu hàng tháng trời để tìm nguồn nước...già về thôn. - Nhờ có ruộng nước, tập quán canh tác ở Phìn Ngan đã thay đổi:.....hộ đói. - Ông đã lặn lội đến các xã bạn học cách trồng thảo quả về hướng dẫn bà con cùng trồng. - HS trả lời - Mang lại lợi ích kinh tế to lớn cho bà con:thu hai trăm triệu. - HS trả lời + Bài ca ngợi ông Lìn cần cù, sáng tạo, dám thay đổi tập quán canh tác của cả một vùng, làm thay đổi cuộc sống của cả thôn
---	--

3. HĐ Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm: (8 phút)

***Mục tiêu:**

- Học sinh đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết.

***Cách tiến hành:**

- 3 HS đọc nối tiếp và lớp tìm cách đọc hay - GV treo bảng phụ ghi sẵn đoạn cần luyện đọc - GV đọc mẫu - HS thi đọc trong nhóm - Đại diện nhóm thi đọc - GV nhận xét đánh giá	- HS nghe, tìm cách đọc hay - 2 HS đọc cho nhau nghe - 3 HS thi đọc - HS nghe
---	---

4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: 42 phút)

- Địa phương em có những loại cây trồng nào giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo ? - Tìm hiểu các tấm gương lao động sản xuất giỏi của địa phương em.	- Cây nhãn, cam, bưởi,... - Lắng nghe. - Lắng nghe và thực hiện.
--	--

Chính tả

TIẾT 17: NGƯỜI MẸ CỦA 51 ĐỨA CON

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Viết đúng bài chính tả *Người mẹ của 51 đứa con*; trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi(BT1).

- Làm được bài tập 2

- Rèn kĩ năng phân tích mô hình cấu tạo của tiếng

- Giáo dục HS thức viết đúng chính tả, giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5phút)	
- Cho HS thi đặt câu có từ ngữ chứa tiếng <i>rẻ/ giẻ</i>. - Chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội 4 bạn lần lượt lên đặt câu có từ ngữ chứa tiếng <i>rẻ/ giẻ</i>. - Đội nào đặt câu đúng và nhiều hơn thì đội đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài - Ghi đầu bài lên bảng.	- HS chơi trò chơi - HS nghe - Mở sách giáo khoa.
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Chuẩn bị viết chính tả. (5 phút)	
*Mục tiêu:	
- Học sinh có tâm thế tốt để viết bài. - Nắm được nội dung bài văn để viết cho đúng chính tả.	
*Cách tiến hành: HĐ cả lớp	
- Gọi HS đọc đoạn văn + Đoạn văn nói về ai? <i>Hướng dẫn viết từ khó</i> - Yêu cầu HS đọc, tìm các từ khó	- 2 HS đọc đoạn văn - Đoạn văn nói về mẹ Nguyễn Thị Phú- bà là một phụ nữ không sinh con nhưng đã cố gắng bươn chải nuôi dưỡng 51 em bé mồ côi, đến nay nhiều người đã trưởng thành. - HS đọc thầm bài và nêu từ khó: <i>Lý Sơn, Quảng Ngãi, thức khuya, nuôi dưỡng...</i>

- Yêu cầu HS luyện viết các từ khó vừa tìm được	- HS luyện viết từ khó.
2.2. HĐ viết bài chính tả. (15 phút) *Mục tiêu: - Nghe- viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi . *Cách tiến hành: HĐ cá nhân	
- GV Yêu cầu HS đọc bài và nhờ người thân đọc cho nghe viết - HS tự viết bài, chú ý trình bày bài sạch sẽ. - GV HD uốn nắn cho HS viết đúng chưa đẹp Lưu ý: - Tư thế ngồi: - Cách cầm bút: - Tốc độ:	- HS nghe - HS viết bài và nộp bài trên Azota
2.3. HĐ chấm và nhận xét bài. (5 phút) *Mục tiêu: - Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn. *Cách tiến hành:	
- Giáo viên chấm bài trên Azota - Giáo viên chấm nhanh 5 - 7 bài - Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh.	- HS soát lại bài, tự phát hiện lỗi và sửa lỗi.
3. HĐ luyện tập, thực hành: (8 phút) *Mục tiêu: Làm đúng bài tập 2a, 3 *Cách tiến hành:	
Bài 2: Cá nhân=> Nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập và mẫu - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS nhận xét bài của bạn làm trên bảng - GV nhận xét kết luận bài làm đúng + Thế nào là những tiếng bắt vần với nhau? + Tìm những tiếng bắt vần với nhau trong những câu thơ trên?	- HS đọc to yêu cầu và nội dung bài tập - HS tự làm bài - 1 HS lên bảng chữa bài - Những tiếng bắt vần với nhau là những tiếng có vần giống nhau. - Tiếng <i>xôi</i> bắt vần với tiếng <i>đôi</i>
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Giáo viên chốt lại những phân chính trong tiết học - Chọn một số vở học sinh viết chữ sạch đẹp không mắc lỗi cho cả lớp xem	- Lắng nghe - Quan sát, học tập.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

Đạo đức

TIẾT 17: HỢP TÁC VỚI NHỮNG NGƯỜI XUNG QUANH (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số biểu hiện về hợp tác với bạn bè trong học tập, làm việc và vui chơi.
- Biết được hợp tác với mọi người trong công việc chung sẽ nâng cao được hiệu quả công việc, tăng niềm vui và tình cảm gắn bó giữa người với người.
- Có kĩ năng hợp tác với bạn bè trong các hoạt động của lớp, của trường.
- Có thái độ mong muốn, sẵn sàng hợp tác với bạn bè, thầy cô giáo và mọi người trong công việc của lớp, của trường, của gia đình và của cộng đồng.

*** GDBVMT:** *Biết hợp tác với bạn bè và mọi người để bảo vệ môi trường gia đình, nhà trường, lớp học và địa phương.*

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Trung thực trong học tập và cuộc sống. Hợp tác với bạn bè làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS nêu một số biểu hiện của việc hợp tác với những người xung quanh? - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS trả lời - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * Mục tiêu: - Nêu được một số biểu hiện về hợp tác với bạn bè trong học tập, làm việc và vui chơi. - Biết được hợp tác với mọi người trong công việc chung sẽ nâng cao được hiệu quả công việc, tăng niềm vui và tình cảm gắn bó giữa người với người. * Cách tiến hành:	
* Hoạt động 1: Làm bài tập 3 SGK - Yêu cầu thảo luận theo cặp - Gọi HS trình bày - GV KL: Việc làm của các bạn Tâm, Nga, Hoan, trong tình huống a là đúng - việc làm của bạn Long trong tình huống b là chưa đúng * Hoạt động 2: xử lí tình huống bài tập 4 trong SGK	- HS thảo luận - HS trả lời - HS khác nhận xét

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù:**

- HS đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.
- Đọc diễn cảm và hiểu nội dung bài đọc.

2. Năng lực chung: - **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: vở Luyện tập Tiếng Việt: Tiết 1,2 tuần 17

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC TRÊN LỚP

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. 2: Bài tập tăng cường: 1, Đọc hiểu: Mênh mang rừng cọ *Đọc đoạn: HS nối tiếp đọc các đoạn của bài (3 lượt) * Yêu cầu luyện đọc nhóm cặp * Đọc diễn cảm: - HS khá đọc bài. YC tìm cách đọc đúng, hay. - GV đọc mẫu. - HS đọc bài theo nhóm cặp. - Thi đọc diễn cảm - Nhận xét tuyên dương. - Phân tiếp theo yêu cầu gì? - Muốn khoanh đúng em dựa vào đâu? - Y/c HS làm bài - Y/c HS thảo luận nhóm đôi (1 p), - Chữa bài miệng. - GV tổ chức cho HS chữa bài: - GV chốt câu trả lời đúng: 1.a, 2.b, 3.c,4.c, 5.b, 6 HS trả lời theo ý hiểu.	- HS thực hiện theo yêu cầu - Hs thực hiện YC - HS luyện đọc nhóm cặp * Luyện đọc diễn cảm - 1 HS khá đọc bài, cả lớp tìm cách đọc hay. - HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm 2. - 3 HS thi đọc - Hs nhận xét và bình chọn - Khoanh vào các ý đúng. - HS trả lời - HS chữa bài miệng. - 2 em ngồi cùng bàn trao đổi - 3 HS nối tiếp nêu - HS làm theo y/c của GV
2, Bài 1(99): - Gọi HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS trình bày.	- HS đọc đề bài - Hs làm theo YC - HS trình bày bài

- GV nhận xét KL - Cả lớp nhận xét bổ xung. Thế nào là từ đơn, từ phức? - GV nhận xét * <u>Bài 2,3(100)</u> - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS tự làm bài. - Gọi HS trình bày. - GV kết luận.	- HS lắng nghe - HS trả lời. - HS đọc đề bài - Hs làm theo YC - HS trình bày bài làm - HS lắng nghe
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Con có cảm nghĩ gì sau khi học xong bài này?	- HS trả lời
- Dặn HS chuẩn bị bài hôm sau	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 26 tháng 12 năm 2023

Toán

TIẾT 82: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

-Thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm .

- Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính với số thập phân

- HS làm được bài 1, 2, 3.

2. Năng lực chung:

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS hát - Cho HS làm bài: + Tìm 7% của 70 000? - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS làm bảng con - HS nghe - HS viết vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm . - HS làm bài tập: Bài 1, 2, 3 . <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: Cặp đôi - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Yêu cầu HS nêu cách chuyển hỗn số thành số thập phân. - Yêu cầu HS làm bài - GV chữa bài	- Viết các hỗn số sau thành số thập phân - HS trao đổi với nhau, sau đó nêu ý kiến trước lớp. C1: Chuyển phân phân số của hỗn số thành phân số thập phân rồi viết số thập phân tương ứng. $4\frac{1}{2} = 5\frac{5}{10} = 4,5 \qquad 3\frac{4}{5} = 3\frac{8}{10} =$

C2: Thực hiện chia tử số của phân số cho mẫu số. Vì $1 : 2 = 0,5$ nên $4\frac{1}{2} = 4,5$ Vì $4 : 5 = 0,8$ nên $3\frac{4}{5} = 3,8$ Vì $3 : 4 = 0,75$ nên $2\frac{3}{4} = 2,75$ Vì $12 : 25 = 0,48$ nên $1\frac{12}{25} = 1,48$ Bài 2: Cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Yêu cầu HS làm bài. - GV gọi HS chia sẻ kết quả - GV nhận xét và yêu cầu HS nêu cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính. Bài 3: Cá nhân - GV gọi HS đọc đề bài toán. - Em hiểu thế nào là hút được 35% lượng nước trong hồ ? - GV yêu cầu HS làm bài. - GV gọi HS chia sẻ trước lớp	$3,8$ $2\frac{3}{4} = 2\frac{75}{100} = 2,75 \quad 1\frac{12}{25} = 1\frac{48}{100} = 1,48$ - Tìm x - HS cả lớp làm bài vào vở sau đó chia sẻ a) $x \times 100 = 1,643 + 7,357$ $x \times 100 = 9$ $x = 9 : 100$ $x = 0,09$ b) $0,16 : x = 2 - 0,4$ $0,16 : x = 1,6$ $x = 0,16 : 1,6$ $x = 0,1$ - 1 HS đọc đề bài trước lớp, HS cả lớp đọc thầm trong SGK. - Nghĩa là coi lượng nước trong hồ là 100 phần thì lượng nước đã hút là 35 phần. -HS lên chia sẻ cách làm
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng tìm x: $X : 1,25 = 15,95 - 4,79$	- HS làm bài
- Về nhà tìm hiểu rồi tính diện tích mảnh đất và ngôi nhà của mình sau đó tính tỉ lệ phần trăm diện tích của ngôi nhà và mảnh đất đó.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu

TIẾT 33: ÔN TẬP VỀ TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm và phân loại được từ đơn, từ phức; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa; từ đồng âm từ nhiều nghĩa theo yêu cầu của các BT trong SGK .
- Rèn kĩ năng phân loại từ đơn, từ phức; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa; từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Có tinh thần và trách nhiệm, tự tin, cẩn thận, tỉ mỉ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS hát - Cho HS nối tiếp nhau đặt câu với các từ ở bài tập 1a trang 161 - Nhận xét đánh giá - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS tiếp nối nhau đặt câu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Tìm và phân loại được từ đơn, từ phức; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa; từ đồng âm từ nhiều nghĩa theo yêu cầu của các BT trong SGK . <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HD cá nhân - Nêu yêu cầu bài tập + Trong Tiếng Việt có các kiểu cấu tạo từ như thế nào? + Từ phức gồm những loại nào? - Yêu cầu HS tự làm bài - GV nhận xét kết luận Bài 2: HD cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập + Thế nào là từ đồng âm?	- HS nêu + Trong tiếng việt có các kiểu cấu tạo từ: từ đơn, từ phức. + Từ phức gồm 2 loại: từ ghép và từ láy. - HS lên chia sẻ kết quả - Nhận xét bài của bạn: + Từ đơn: hai, bước, đi, trên, cát, ánh, biển, xanh, bóng, cha, dài, bóng, con, tròn. + Từ ghép: Cha con, mặt trời, chắc nịch. + Từ láy: rục rờ, lênh khênh - HS nêu

+ Thế nào là từ nhiều nghĩa? + Thế nào là từ đồng nghĩa? - Yêu cầu HS làm bài theo cặp - Gọi HS phát biểu - GV nhận xét kết luận - Nhắc HS ghi nhớ các kiến thức về nghĩa của từ Bài 3: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS nối tiếp nhau đọc các từ đồng nghĩa, GV ghi bảng - Vì sao nhà văn lại chọn từ in đậm mà không chọn những từ đồng nghĩa với nó. Bài 4: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập - Yêu cầu HS tự làm bài tập - GV nhận xét chữa bài - Yêu cầu HS đọc thuộc lòng các câu thành ngữ tục ngữ.	- Từ đồng âm là từ giống nhau về âm nhưng khác nhau về nghĩa. - Từ nhiều nghĩa là từ có một nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. các nghĩa của từ nhiều nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau. - Từ đồng nghĩa là những từ cùng chỉ một sự vật, hoạt động, trạng thái hay tính chất. - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận để làm bài - Nối tiếp nhau phát biểu, bổ sung, và thống nhất : - HS nêu yêu cầu - HS tự làm bài - HS nối tiếp nhau đọc - HS trả lời theo ý hiểu của mình - HS nêu - HS tự làm bài, chia sẻ kết quả a) Có <i>mới</i> nói <i>cũ</i> b) <i>Xấu</i> gỗ, hơn <i>tốt</i> nước sơn c) <i>Mạnh</i> dùng sức, <i>yếu</i> dùng mưu - HS đọc thuộc lòng các câu trên
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Tạo từ lấy từ các từ sau: xanh, trắng, xinh	- HS nêu: xanh xanh, xanh xao, trắng trắng, trắng trẻo, xinh xinh, xinh xắn
- Về nhà viết một đoạn văn miêu tả có sử dụng một số từ lấy vừa tìm được.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Tiết 33: DUNG DỊCH

thương bằng cách nào? - GV: Nước muối đó còn được gọi là dung dịch. Vậy em biết gì về dung dịch? 2. <i>Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS</i> - GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học về dung dịch, sau đó thảo luận nhóm 4 để thống nhất ý kiến ghi vào bảng nhóm. - GV yêu cầu HS trình bày quan điểm của các em về vấn đề trên. 3. <i>Đề xuất câu hỏi(dự đoán/ giả thiết) và phương án tìm tòi.</i> - Từ những ý kiến ban đầu của của HS do nhóm đề xuất, GV tập hợp thành các nhóm biểu tượng ban đầu rồi hướng dẫn HS so sánh sự giống và khác nhau của các ý kiến ban đầu. - Tổ chức cho HS đề xuất các câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu về dung dịch, cách tạo ra dung dịch và cách tách các chất trong một dung dịch. - GV tổng hợp, chỉnh sửa và nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung tìm hiểu về hỗn hợp và đặc điểm của nó và ghi lên bảng. +<i>Dung dịch là gì?</i> +<i>Làm thế nào để tạo ra được một dung dịch?</i> +<i>Làm thế nào để tách các chất trong dung dịch?</i> - GV tổ chức cho HS thảo luận, đề xuất phương án tìm tòi để trả lời các câu hỏi trên.	- HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học về dung dịch, sau đó thảo luận nhóm 4 để thống nhất ý kiến ghi vào bảng nhóm. - Các nhóm đính bảng phụ lên bảng lớp và cử đại diện nhóm trình bày - HS so sánh sự giống và khác nhau của các ý kiến. -Ví dụ HS cụ thể nêu: + <i>Dung dịch có màu gì, vị gì?</i> +<i>Dung dịch có tính chất gì?</i> +<i>Dung dịch có mùi không?</i> +<i>Dung dịch có hình dạng không?</i> +<i>Dung dịch có từ đâu?</i> +<i>Dung dịch có hòa tan trong nước không?</i> +<i>Dung dịch có trong suốt hay không?</i> + <i>Nếu để trong không khí ẩm thì dung dịch sẽ như thế nào?</i> +<i>Dung dịch làm từ gì? Dung dịch được hình thành như thế nào?</i> +<i>Uống dung dịch vào thì sẽ như thế nào?</i> +<i>Ta có thể tách các chất trong dung dịch được không?</i> - HS theo dõi - HS thảo luận
---	--

4. Thực hiện phương án tìm tòi: - GV yêu cầu HS viết câu hỏi dự đoán vào vở Ghi chép khoa học trước khi làm thí nghiệm nghiên cứu. * Để trả lời câu hỏi 1 và 2 HS có thể tiến hành các thí nghiệm pha dung dịch đường hoặc dung dịch muối,...với tỉ lệ tùy ý. * Để trả lời câu hỏi 3 GV yêu cầu HS đề xuất các cách làm theo nhóm. Sau đó GV mời nhóm có thí nghiệm cho kết quả chưa chính xác lên làm trước lớp để các nhóm bạn nhận xét, sau đó mời nhóm có thí nghiệm cho kết quả thành công lên làm. Cuối cùng, các nhóm cùng tiến hành lại cách làm thành công của nhóm bạn. *Lưu ý: Trước, trong và sau khi làm thí nghiệm, GV yêu cầu HS điền các thông tin vào vở ghi chép khoa học. 5.Kết luận, kiến thức: - Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả sau khi làm thí nghiệm. - GV hướng dẫn HS so sánh kết quả thí nghiệm với các suy nghĩ ban đầu của mình ở bước 2 để khắc sâu kiến thức. * Kết luận :	- HS viết câu hỏi; dự đoán vào vở <table><tr><th>Câu hỏi</th><th>Dự đoán</th><th>Cách tiến hành</th><th>Kết luận</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> - HS thực hành và hoàn thành 2 cột còn lại trong vở ghi chép khoa học sau khi làm thí nghiệm. - HS các nhóm báo cáo kết quả: - Hỗn hợp chất lỏng với chất rắn bị hòa tan và phân bố đều hoặc hỗn hợp chất lỏng với chất lỏng hòa tan vào nhau gọi là dung dịch. - Cách tạo ra dung dịch: Phải có ít nhất hai chất trở lên, trong đó phải có một chất ở thể lỏng và chất kia phải hòa tan được vào trong chất lỏng đó. - Cách tách các chất trong dung dịch: Bằng cách chưng cất.	Câu hỏi	Dự đoán	Cách tiến hành	Kết luận				
Câu hỏi	Dự đoán	Cách tiến hành	Kết luận						
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút) - Đề sản xuất ra nước cất dùng trong y tế người ta sử dụng phương pháp nào? - Đề sản xuất muối từ nước biển người ta đã làm cách nào? - Giáo viên đánh giá khen trước lớp. - Chia sẻ với mọi người cách tạo ra dung dịch và tách các chất ra khỏi dung dịch.		- HS nêu - HS nghe và thực hiện							

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....
.....
.....
.....

Lịch sử

TIẾT 17: ÔN TẬP HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hệ thống những sự kiện lịch sử tiêu biểu từ 1858 đến trước chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Ví dụ: Phong trào chống Pháp của Trương Định; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời; khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội; chiến dịch Việt Bắc; chiến thắng Biên giới.

- Rèn kĩ năng sử dụng bản đồ, hệ thống hóa kiến thức lịch sử.

- Tự hào về tinh thần bất khuất, quyết bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam.

2. Năng lực chung: Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: + HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động

+ Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước

+ HS yêu thích môn học lịch sử

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS hát - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng đã đề ra nhiệm vụ gì cho cách mạng Việt Nam? - Nhận xét, bổ sung. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Hệ thống những sự kiện lịch sử tiêu biểu từ 1858 đến trước chiến dịch Điện Biên Phủ 1954. * <i>Cách tiến hành:</i>	
Hoạt động 1: <i>Lập bảng các sự kiện lịch sử tiêu biểu từ 1945- 1954</i> - Gọi HS đã lập bảng thống kê vào giấy khổ to dán bài của mình lên bảng - Yêu cầu HS theo dõi nhận xét - GV nhận xét	- HĐ cá nhân - HS lập bảng thống kê - HS đọc bảng thống kê của bạn đối chiếu với bài của mình và bổ sung ý kiến
<i>Bảng thống kê các sự kiện lịch sử tiêu biểu từ 1945-1954</i>	
Thời gian	Sự kiện lịch sử tiêu biểu
Cuối năm 1945-1946	Đẩy lùi giặc đói giặc dốt
19-12-1946	Trung ương Đảng và chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến

20-12-1946	Đài tiếng nói VN phát lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của BH
20-12-1946 đến tháng 2-1947	Cả nước đồng loạt nổ súng chiến đấu, tiêu biểu là cuộc chiến đấu của nhân dân HN với tinh thần quyết tử cho tổ quốc quyết sinh
Thu- đông 1947	Chiến dịch Việt Bắc mở chôn giặc pháp
Thu- đông 1950	Chiến dịch Biên giới Trận Đông Khê, gương chiến đấu dũng cảm của anh La Văn Cầu
Sau chiến dịch Biên giới tháng 2-1951 1-5-1952	Tập trung xây dựng hậu phương vững mạnh, chuẩn bị cho tuyến tuyến sẵn sàng chiến đấu Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của đảng đề ra nhiệm vụ cho kháng chiến Khai mạc đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc đại hội bầu ra 7 anh hùng.
30-3 - 1954 đến 7-5-1954	Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai.
Hoạt động 2: Trò chơi “Đi tìm địa chỉ đỏ” Hướng dẫn học sinh chơi - Luật chơi: mỗi học sinh lên hái 1 bông hoa, đọc tên địa danh (có thể chỉ trên bản đồ), kể lại sự kiện, nhân vật lịch sử tương ứng với địa danh đó. - Cho HS lần lượt lên hái và trả lời - GV và HS nhận xét tuyên dương	- Học sinh chơi trò chơi: - Hà Nội: + Tiếng súng kháng chiến toàn quốc bùng nổ ngày 19/12/1946 + Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến sáng ngày 20/12/ 1946
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Em ấn tượng nhất với sự kiện lịch sử nào ? Vì sao ?	- HS nêu
- Vẽ một bức tranh mô tả một sự kiện lịch sử mà em ấn tượng nhất.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Hướng dẫn học
CỦNG CỐ VỀ GIẢI TOÁN TỈ SỐ PHẦN TRĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cho học sinh về các phép tính với số thập phân, giải toán về tỉ số phần trăm.

- Thực hiện thành thạo các phép tính.

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: vở Luyện tập Toán: Tiết 1 tuần 17

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
Hoạt động 1: Hướng dẫn HS hoàn thành nốt bài tập buổi sáng(nếu còn) theo GA đã soạn	HS làm theo HD
Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: * <u>Bài 1:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu thứ tự thực hiện phép tính. * <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tính gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách tìm thành phần chưa biết của phép tính. - GV nhận xét. * <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho ta biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài	 - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HSTL

- Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - Nêu cách tìm 1 số biết 1 số phần trăm của nó là 1 số. - GV nhận xét. * Bài 4: - Gọi HS đọc đề bài - Bài cho ta biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - 1 em lên bảng làm - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * Bài 4: - Gọi HS đọc đề bài - Bài cho ta biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - 1 em lên bảng làm - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - Bài thuộc dạng mấy của tỉ số phần trăm? - GV nhận xét.	- HS nhận xét - 1 vài HS trả lời - HS đọc đề bài - HS trả lời - HSTL - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nêu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HSTL - HS thực hiện theo yêu cầu
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Nêu cách tìm thành phần chưa biết của phép tính.	- HS trả lời
- Về nhà tìm các bài toán liên quan đến các phép tính với số thập phân để làm thêm	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 29 tháng 12 năm 2021

Toán

TIẾT 83: GIỚI THIỆU VỀ MÁY TÍNH BỎ TÚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Bước đầu biết dùng máy tính bỏ túi để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân.
- Dùng máy tính bỏ túi để thực hiện cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân, chuyển một số phân số thành số thập phân.
- HS làm bài tập 1.

2. Năng lực chung:

- + Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho 2 HS nêu các dạng toán về tỉ số phần trăm đã học. - Yêu cầu HS tìm tỉ số phần trăm của 45 và 75. - GV nhận xét, bổ sung. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- 2 HS nêu các dạng toán về tỉ số phần trăm đã học. - HS thực hiện bảng con, bảng lớp. - HS nghe - HS ghi bảng
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Biết cấu tạo, tác dụng của máy tính bỏ túi; biết cách sử dụng máy tính bỏ túi. <i>*Cách tiến hành:</i>	
Hoạt động 1: Làm quen với máy tính bỏ túi. - Giáo viên cho học sinh quan sát máy tính. - Trên mặt máy tính có những gì? - Hãy nêu những phím em đã biết trên bàn phím? - Dựa vào nội dung các phím em hãy cho biết máy tính bỏ túi có thể dùng để làm gì?	- Học sinh quan sát máy tính rồi trả lời câu hỏi. - Có màn hình, các phím. - Học sinh kể tên như SGK. - HS nêu

- GV giới thiệu chung về máy tính bỏ túi - GV yêu cầu HS ấn phím ON/ C trên bàn phím và nêu: Phím này để làm gì? - Yêu cầu HS ấn phím OFF và nêu tác dụng của các phím trên máy tính. - Ngoài ra còn có các phím đặc biệt khác Hoạt động 2: Thực hiện các phép tính. - Giáo viên ghi 1 phép cộng lên bảng. - Giáo viên đọc cho học sinh ấn lần lượt các phím cần thiết (chú ý ấn $\square$ để ghi dấu phẩy), đồng thời quan sát kết quả trên màn hình. - Tương tự với các phép tính: trừ, nhân, chia.	- HS theo dõi - Để khởi động cho máy làm việc - Để tắt máy - HS nêu $25,3 + 7,09 =$ - Để tính $25,3 + 7,09$ ta lần lượt ấn các phím sau: 2 5 . 3 + 7 . 0 9 = Trên màn hình xuất hiện: 32,39
3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Bước đầu biết dùng máy tính bỏ túi để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân. - HS làm bài tập 1. <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: Cá nhân - HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS thực hiện phép tính - Yêu cầu HS kiểm tra lại kết quả bằng máy tính bỏ túi theo nhóm. - Giáo viên gọi học sinh đọc kết quả. - Giáo viên nhận xét chữa bài. Bài 3(M3,4): Cá nhân - Cho HS tự thực hiện sau đó nêu kết quả.	- Thực hiện các phép tính sau rồi kiểm tra lại kết quả bằng máy tính bỏ túi - HS làm bài - Học sinh kiểm tra theo nhóm. - Các nhóm đọc kết quả a) 923,342 b) 162,719 c) 2946,06 d) 21,3 - HS tự làm bài: - Biểu thức đó là: $4,5 \times 6 - 7$
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS dùng máy tính để tính: $475,36 + 5,497 =$ $1207 - 63,84 =$ $54,75 \times 7,6 =$ $14 : 1,25 =$	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kể chuyện
KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE ĐÃ ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Chọn được một truyện nói về những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác và kể lại được rõ ràng, đủ ý, biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

- HS HTT tìm được truyện ngoài SGK; kể chuyện một cách tự nhiên sinh động.

- Kể lại được rõ ràng, đủ ý, biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

- Trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

*GDBVMT: Khai thác gián tiếp nội dung bài. GV gợi ý HS chọn kể những câu chuyện nói về tấm gương con người biết bảo vệ môi trường (trồng cây gây rừng, quét dọn vệ sinh đường phố,...), chống lại những hành vi phá hoại môi trường (phá rừng, đốt rừng) để giữ gìn cuộc sống bình yên, đem lại niềm vui cho người khác.

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Có tinh thần và trách nhiệm với câu chuyện kể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (5')	
- Cho HS thi kể về một buổi sum họp đầm ấm trong gia đình. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi kể - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (8') * <i>Mục tiêu:</i> Chọn được một truyện nói về những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác và kể lại được rõ ràng, đủ ý, biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Giáo viên chép đề lên bảng. Đề bài: Hãy kể một <u>câu chuyện</u> em <u>đã nghe</u> hay <u>đã đọc</u> về những người <u>biết sống đẹp</u> , biết mang lại <u>niềm vui</u> , <u>hạnh phúc</u> cho người khác. - Gọi HS đọc đề bài - Đề yêu cầu làm gì? - Giáo viên gạch chân những từ ngữ quan trọng trong đề. - Yêu cầu HS đọc gợi ý SGK	- HS theo dõi - HS đọc - HS trả lời. - 3 HS nối tiếp nhau đọc

- Kể tên những nhân vật biết sống đẹp trong các câu chuyện các em đã học? - Tìm câu chuyện ở đâu? - Giáo viên kiểm tra việc học sinh tìm truyện.	+ Na các bạn HS và cô giáo trong truyện Phần thưởng (Tiếng Việt 2 tập 1) + Hai chị em Xô- phi, Mác và nhà ảo thuật trong truyện Nhà ảo thuật (Tiếng Việt 3 tập 2) + Những nhân vật trong câu chuyện Chuỗi ngọc lam. - Được nghe kể, đọc trong sách, báo. - Một số học sinh giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể.
3. Hoạt động thực hành kể chuyện:(21 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Rèn kĩ năng kể chuyện và nhận xét người kể. <i>* Cách tiến hành:</i>	
- Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi - Thi kể trước lớp - Cho HS bình chọn người kể hay nhất - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện - Nhận xét.	- HS kể theo cặp - Thi kể chuyện trước lớp - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất. - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể.
4. Hoạt động vận dụng (3')	
- Em đã làm gì để mang lại niềm vui cho mọi người xung quanh?	- HS nêu
- Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe. Chuẩn bị tiết kể chuyện tuần sau - Nhận xét tiết học, biểu dương	- HS nghe và thực hiện - HS nghe

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Kĩ thuật SỬ DỤNG TỦ LẠNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được tác dụng của tủ lạnh trong gia đình.
- Nhận biết được vị trí, vai trò các khoang khác trong tủ lạnh.
- Thực hiện được việc sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học tự chủ, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở lớp về sử dụng tủ lạnh trong đời sống hàng ngày.

- Trách nhiệm: giữ gìn bảo quản tủ lạnh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Tranh ảnh về tủ lạnh được sử dụng trong gia đình. Phiếu học tập số 1, Phiếu học tập số 2.

- Quan sát tủ lạnh ở gia đình để tìm hiểu tác dụng và các khoang chứa khác nhau của tủ lạnh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động: * Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập cho học sinh. * Nội dung : Các cách bảo quản thức ăn.	
- Gv cho học sinh chơi trò chơi “ Truyền điện ” để trả lời các câu hỏi: - Kể tên các cách bảo quản thức ăn trong gia đình mà em biết? - GV giới thiệu bài.	- HS tham gia chơi trò chơi - HS trả lời - Học sinh nghe - Học sinh viết tên bài vào vở.
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (Tiết 1)	
Hoạt động 1: Tìm hiểu tác dụng và các khoang chứa khác nhau của tủ lạnh trong gia đình. * Mục tiêu: - Trình bày được tác dụng của tủ lạnh trong gia đình. - Nhận biết được vị trí, vai trò các khoang khác nhau trong tủ lạnh. * Nội dung: Tác dụng và các khoang chứa khác nhau của tủ lạnh trong gia đình. * Cách tiến hành:	
- GV đưa ra tranh ảnh về tủ lạnh được sử dụng trong gia đình có chứa thực phẩm. - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi : + Em hãy quan sát và cho biết tủ lạnh có	- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

thể bảo quản được những thực phẩm như thế nào? - GV yêu cầu một số HS trả lời câu hỏi, nhận xét đánh giá câu trả lời của bạn. - GV chốt lại nội dung kiến thức : <i>Bảo quản các thực phẩm tươi như thịt, cá, rau hoa quả. Bảo quản thức ăn đã chế biến chưa sử dụng hết.</i> - GV đưa ra tranh chưa có chú thích nội dung mà chỉ ghi số thứ tự các khoang từ 1 đến 8 về tủ lạnh được sử dụng trong gia đình không có chứa thực phẩm. - GV phát phiếu học tập số 1 và một bộ thẻ gồm các thẻ tên gọi các khoang chứa khác nhau trong tủ lạnh, thông tin về vai trò các khoang chứa. - GV hướng dẫn HS sử dụng phiếu học tập. - Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm. - GV yêu cầu 2 nhóm báo cáo kết quả thảo luận trên bảng lớp. - Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV chốt lại kiến thức về vai trò và vị trí các khoang chứa khác nhau trong tủ lạnh.	- HS lắng nghe. - HS quan sát tranh. - Nhóm trưởng nhận phiếu học tập. - HS lắng nghe. - HS hoạt động nhóm và báo cáo kết quả. - HS nhận xét bổ sung. - HS lắng nghe và ghi vào vở.
* Hoạt động 2: Tìm hiểu cách sử dụng tủ lạnh đúng cách và an toàn. * Mục tiêu: - Trình bày được cách sử dụng tủ lạnh đúng cách và an toàn. * Nội dung: - Sử dụng tủ lạnh đúng cách và an toàn.	
* Cách tiến hành: - GV phát mỗi nhóm một phiếu học tập số 2. + Yêu cầu nhóm thảo luận cách sử dụng tủ lạnh an toàn và tiết kiệm. + Giải thích vì sao đó là thao tác sử dụng chưa đúng và an toàn. - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV chốt lại kiến thức về cách sử dụng tủ lạnh đúng cách và an toàn :	- HS nhận phiếu học tập. - HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập. - HS báo cáo kết quả thảo luận. - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, ghi vào vở.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Củng cố** cho học sinh 1 số bài tập toán nhằm củng cố cách dùng máy tính bỏ túi để giải toán về tỷ số phần trăm.

- Thực hiện thành thạo máy tính bỏ túi để giải toán.

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: vở Luyện tập Toán: Tiết 2 tuần 17

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
Hoạt động 1: Hướng dẫn HS hoàn thành nốt bài tập buổi sáng(nếu còn) theo GA đã soạn Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: * <u>Bài 1:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách thực hiện. * <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu nhận xét về cách làm trên * <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét.	HS làm theo HD - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS trả lời

* Bài 4: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài. - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * Bài 5: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - Chữa bài nhận xét.	- HS đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - Lắng nghe, ghi nhớ
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Cho HS vận dụng làm phép tính sau: $(48,2 + 22,69) : 8,5$	- HS làm bài $(48,2 + 22,69) : 8,5 = 70,89 : 8,5$ $= 8,34$
- Về nhà tìm các bài toán liên quan đến các phép tính với số thập phân để làm thêm	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 28 tháng 12 năm 2023

Toán

**TIẾT 84: SỬ DỤNG MÁY TÍNH BỎ TÚI ĐỂ
GIẢI BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải các bài toán về tỉ số phần trăm .
- Sử dụng máy tính bỏ túi nhanh, chính xác
- HS làm bài 1(dòng 1,2), bài 2(dòng1,2).

2. Năng lực chung:

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3phút)	
- Cho HS chơi trò chơi: Tính nhanh, tính đúng. - Cách chơi:Mỗi đội gồm có 4 HS, sử dụng máy tính bỏ túi để tính nhanh kết quả phép tính: $125,96 + 47,56$; $985,06 \times 15$; $352,45 - 147,56$ và $109,98 : 42,3$ - Đội nào có kết quả nhanh và chính xác hơn thì đội đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Biết sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải các bài toán về tỉ số phần trăm. <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hướng dẫn sử dụng máy tính bỏ túi để giải bài toán về tỉ số phần trăm.</i> <i>Tìm tỉ số phần trăm của 7 và 40</i> - GV nêu yêu cầu : Chúng ta cùng tìm tỉ số phần trăm của 7 và 40. - GV yêu cầu 1 HS nêu lại cách tìm tỉ	- HS nghe và nhớ nhiệm vụ. - 1 HS nêu trước lớp, cả lớp theo dõi và

số phần trăm của 7 và 40. - GV yêu cầu HS sử dụng máy tính bỏ túi để thực hiện bước tìm thương 7 : 40 - Vậy tỉ số phần trăm của 7 và 40 là bao nhiêu phần trăm? - Chúng ta có thể thực hiện cả hai bước khi tìm tỉ số phần trăm của 7 và 40 bằng máy tính bỏ túi. Ta lần lượt bấm các phím sau: - GV yêu cầu HS đọc kết quả trên màn hình. - Đó chính là 17,5%. <i>Tính 34% của 56</i> - GV nêu vấn đề : Chúng ta cùng tìm 34% của 56. - GV yêu cầu HS nêu cách tìm 34% của 56. - GV yêu cầu HS sử dụng máy tính để tính $56 \times 34 : 100$ - GV nêu : Thay vì bấm 10 phím. $56 \times 34 \div 100$ khi sử dụng máy tính bỏ túi để tìm 34% của 56 ta chỉ việc bấm các phím : $56 \times 34 \%$ - GV yêu cầu HS thực hiện bấm máy tính bỏ túi để tìm 34% của 54.	nhận xét : + Tìm thương 7 : 40 + Nhân thương đó với 100 rồi viết ký hiệu % vào bên phải thương. - HS thao tác với máy tính và nêu: $7 : 40 = 0,175$ - HS nêu : Tỉ số phần trăm của 7 và 40 là 17,5% - HS lần lượt bấm các phím theo lời đọc của GV : $7 \div 40 = 0,175$ - Kết quả trên màn hình là 17,5. - 1 HS nêu trước lớp các bước tìm 34% của 56. + Tìm thương 56 : 100. + Lấy thương vừa tìm được nhân với 34 . - HS tính và nêu: $56 \times 34 : 100 = 19,4$
---	---

3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút)

*Mục tiêu: HS làm bài 1(dòng 1,2), bài 2(dòng1,2).

*Cách tiến hành:

Bài 1(dòng 1,2): Cá nhân

- Bài tập yêu cầu chúng ta tính gì?
- GV yêu cầu HS sử dụng máy tính bỏ túi để tính rồi ghi kết quả vào vở.

- HS thao tác với máy tính.
- Bài tập yêu cầu chúng ta tính tỉ số phần trăm giữa số HS nữ và số HS của một số trường.

Trường	Số HS	Số HS nữ	Tỉ số phần trăm của số HS nữ và tổng số HS
An Hà	612	311	50,81 %

Bài 2(dòng1,2): Cá nhân - HS đọc đề bài - GV tổ chức cho HS làm bài tập 2 tương tự như bài tập 1. Bài 3(M3,4): Cá nhân - Cho HS đọc bài, tự tìm cách làm - GV quan sát, giúp đỡ HS gặp khó khăn khi làm.	<table><tr><td>An Hải</td><td>578</td><td>294</td><td>50,86 %</td></tr><tr><td>An Dương</td><td>714</td><td>356</td><td>49,85 %</td></tr><tr><td>An Sơn</td><td>807</td><td>400</td><td>49,56 %</td></tr></table>	An Hải	578	294	50,86 %	An Dương	714	356	49,85 %	An Sơn	807	400	49,56 %
	An Hải	578	294	50,86 %									
	An Dương	714	356	49,85 %									
	An Sơn	807	400	49,56 %									
	- HS đọc - HS làm bài vào vở bài tập, dùng máy tính bỏ túi để tính, sau đó 1 HS đọc kết quả bài làm của mình cho HS cả lớp kiểm tra. <table><tr><td>Thóc (kg)</td><td>Gạo (kg)</td></tr><tr><td>100</td><td>69</td></tr><tr><td>150</td><td>103,5</td></tr><tr><td>125</td><td>86,25</td></tr></table>	Thóc (kg)	Gạo (kg)	100	69	150	103,5	125	86,25				
Thóc (kg)	Gạo (kg)												
100	69												
150	103,5												
125	86,25												
- HS đọc bài và nhận thấy đây là bài toán yêu cầu tìm một số khi biết 0,6% của nó là 30 000 đồng, 60 000 đồng, 90 000 đồng. - Kết quả: a) 5000 000 đồng b) 10 000 000 đồng c) 15 000 000 đồng													
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)													
- Cho HS dùng máy tính để tính: Số học sinh tiểu học ở một xã là 324 em và chiếm 16% tổng số dân của xã đó. Tính số dân của xã đó.	- HS tính: 324 : 16 x 100 = 2025(người)												
- Về nhà tìm thêm các bài toán tương tự như trên để tính toán cho thành thạo.	- HS nghe và thực hiện												

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Tập đọc

TIẾT 34: CA DAO VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu ý nghĩa của các bài ca dao: Lao động vất vả trên ruộng đồng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người.(Trả lời được các câu hỏi trong SGK) .
- Thuộc lòng 2-3 bài ca dao .
- Ngắt nhịp hợp lí theo thể thơ lục bát.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS biết yêu quý người lao động.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS thi đọc bài “ <i>Ngu Công xã Trịnh Tường</i> ” - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (10 phút)	
* <i>Mục tiêu:</i> - Rèn đọc đúng từ , đọc đúng câu, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới. - Đọc đúng các từ ngữ khoa trong bài.	
* <i>Cách tiến hành:</i>	
- Gọi 1 HS đọc toàn bài - Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm	- Gọi 1 HS đọc toàn bài - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm + 3 HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó + 3 HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ - HS luyện đọc theo cặp - HS đọc toàn bài - HS nghe
- Luyện đọc theo cặp - Gọi HS đọc toàn bài - Giáo viên đọc diễn cảm toàn bài.	
2.2. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)	
* <i>Mục tiêu:</i> Hiểu ý nghĩa của các bài ca dao: Lao động vất vả trên ruộng đồng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người.(Trả	

lời được các câu hỏi trong SGK). * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Cho HS đọc câu hỏi SGK - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận, TLCH sau đó chia sẻ kết quả trước lớp 1. Tìm những hình ảnh nói lên nỗi vất vả, lo lắng của người nông dân trong sản xuất? 2. Những câu nào thể hiện tinh thần lạc quan của người nông dân? 3. Tìm những câu ứng với nội dung dưới đây: a) Khuyến nông dân chăm chỉ cấy cày: b) Thể hiện quyết tâm trong lao động sản xuất. c) Nhắc người ta nhớ ơn người làm ra hạt gạo. - Nêu nội dung bài.	- HS đọc - Nhóm trưởng điều khiển nhóm TLCH sau đó chia sẻ trước lớp. + Nỗi vất vả: cấy đồng buổi trưa, mồ hôi như mưa ruộng cày. + Sự lo lắng: Đĩ cày còn trông nhiều bề. Trông trời, trông đất, trông mây; ... bạc, ngày sau cơm vàng. - Công lênh chẳng quản lâu đâu, ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng. + Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang. Bao nhiêu tác đất, tác vàng bấy nhiêu + Trông cho chân cứng đá mềm. Trời yêu, biển lặng mới yên tâm lòng. + Ai ơi bưng bát cơm đầy Dẻo thơm 1 hạt, đắng cay muôn phần. - HS nội dung bài: <i>Lao động vất vả trên ruộng đồng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người</i>
3. Hoạt động luyện đọc diễn cảm:(8 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Đọc ngắt nhịp hợp lí theo thể thơ lục bát. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Đọc nối tiếp từng đoạn - Giáo viên hướng dẫn giọng đọc cả 3 bài ca dao. - GV hướng dẫn kĩ cách đọc 1 bài. - Tổ chức cho học sinh thi đọc diễn cảm. - Luyện học thuộc lòng - Thi đọc thuộc lòng	- 3 HS đọc tiếp nối 3 bài ca dao - HS đọc - HS thi đọc diễn cảm - HS nhắm học thuộc lòng - HS thi đọc thuộc lòng
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
- Qua các câu ca dao trên, em thấy người nông dân có các phẩm chất tốt đẹp nào ?	- HS nêu
- Sau này lớn lên, em sẽ làm gì để giúp đỡ người nông dân đỡ vất vả ?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

Tập làm văn
TIẾT 33: ÔN TẬP VỀ VIẾT ĐƠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết điền đúng nội dung vào một lá đơn in sẵn (BT1) .
 - Viết được đơn xin học môn tự chọn Ngoại ngữ (hoặc tin học) đúng thể thức, đủ nội dung cần thiết .
 - Rèn kĩ năng viết văn bản hành chính.
- *GDKNS:** Ra quyết định/ giải quyết vấn đề. Hợp tác làm việc theo nhóm, hoàn thành đơn xin học.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Có ý thức và trách nhiệm, cẩn thận, tỉ mỉ, sử dụng từ ngữ chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS thi đọc lại đoạn văn đã viết tiết trước. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài- Ghi bảng	- HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(28 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Biết điền đúng nội dung vào một lá đơn in sẵn (BT1) . - Viết được đơn xin học môn tự chọn Ngoại ngữ (hoặc tin học) đúng thể thức, đủ nội dung cần thiết . <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài tập 1: Cá nhân - HS đọc yêu cầu và mẫu đơn - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS đọc lá đơn đã hoàn thành - GV nhận xét sửa lỗi cho HS	- Hoàn thành đơn xin học theo mẫu dưới đây - HS điền vào mẫu đơn trong phiếu - 3 HS nối tiếp nhau đọc <i>Ví dụ:</i> Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Xuân Trúc, ngày 27/12/2018 ĐƠN XIN HỌC Kính gửi: Ban giám hiệu trường THCS Xuân Trúc

Bài tập 2: Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS nêu lại thể thức của một lá đơn - Yêu cầu học sinh làm bài - GV theo dõi giúp đỡ. - Thu chấm, nhận xét.	Em tên là: Nguyễn Tiến Bình Nam/Nữ: Nam Sinh ngày: 30- 10 – 2007 Nơi sinh: Đặng Lễ - Ân Thi - Hưng Yên Quê quán: Đặng Lễ- Ân Thi- Hưng Yên Đã hoàn thành chương trình Tiểu học. Tại Trường Tiểu học Xuân Trúc Em làm đơn này xin đề nghị Trường THCS Xuân Trúc xét cho em được vào học lớp 6 của trường. Em xin hứa thực hiện nghiêm chỉnh nội quy của Nhà trường, phấn đấu học tập và rèn luyện tốt. Em xin trân trọng cảm ơn. Người làm đơn - Viết đơn xin được học môn tự chọn... - HS nêu lại - HS làm bài
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Em hãy nhắc lại cấu tạo của một lá đơn.	- HS nêu
- Về nhà tập viết đơn xin học nghề mà mình yêu thích.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Khoa học
TIẾT 32: SỰ BIẾN ĐỔI HOÁ HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số ví dụ về biến đổi hoá học xảy ra do tác dụng của nhiệt hoặc tác dụng của ánh sáng .

- Rèn kĩ năng quan sát, tiến hành thí nghiệm.

- Có ý thức bảo vệ môi trường.

*** Lòng ghép GDKNS :**

- Kĩ năng quản lí thời gian trong quá trình tiến hành thí nghiệm.

- Kĩ năng ứng phó trước những tình huống không mong đợi xảy ra trong quá trình tiến hành thí nghiệm(của trò chơi).

2. Năng lực chung: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS chơi trò chơi"Bắn tên" với các câu hỏi: + Dung dịch là gì? + Kể tên một số dung dịch mà bạn biết? + Làm thế nào để tách các chất trong dung dịch? - GV nhận xét, đánh giá - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Nêu được một số ví dụ về biến đổi hoá học xảy ra do tác dụng của nhiệt hoặc tác dụng của ánh sáng . <i>* Cách tiến hành:</i>	
*HD1: Tổ chức cho HS thực hành các thí nghiệm: +Thí nghiệm 1: +Thí nghiệm 2: - GV nêu câu hỏi: + Hiện tượng chất này bị biến đổi thành	- Thảo luận nhóm 4, báo cáo kết quả trước lớp - Các nhóm đốt tờ giấy - Các nhóm ghi nhận xét + Giấy bị cháy cho ta tro giấy - Các nhóm chưng đường - Ghi nhận xét +Đường cháy đen, có vị đắng + Sự biến đổi hoá học

chất khác gọi là gì? - GV nhận xét đánh giá *HD2: Thảo luận nhóm - GV nhận xét, chốt lại các kết quả sau:	- Các nhóm quan sát H2-3-4-5-6-7 - Các nhóm thảo luận báo cáo trên bảng phụ
---	--

Hình	Trường hợp	Biến đổi	Giải thích
2	Cho vôi sống vào nước	Hoá học	Vôi sống khi thả vào nước đã không giữ lại được tính chất của nó nữa, nó đã bị biến đổi thành vôi tôi dẻo quánh, kèm theo sự toả nhiệt.
3	Xé giấy thành những mảnh vụn	Lí học	Giấy bị cắt vụn vẫn giữ nguyên tính chất, không bị biến đổi thành chất khác.
4	Xi măng trộn cát	Lí học	Xi măng và cát thành hỗn hợp xi măng cát, tính chất của cát và xi măng vẫn giữ nguyên, không đổi
5	Xi măng trộn cát và nước	Hóa học	Xi măng trộn cát và nước thành vữa xi măng, tính chất hoàn toàn khác với tính chất của ba chất tạo thành nó là cát, xi măng và nước
6	Đinh mới để lâu ngày thành đinh gỉ	Hoá học	Dưới tác dụng của hơi nước trong không khí, chiếc đinh bị gỉ, tính chất của đinh gỉ khác hẳn tính chất của đinh mới
7	Thủy tinh ở thể lỏng sau khi được thổi thành các chai, lọ, để nguội thành thủy tinh ở thể rắn	Lí học	Dù ở thể rắn hay thể lỏng, tính chất của thủy tinh vẫn không thay đổi

3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Chia sẻ với mọi người về sự biến đổi hóa học.	- HS nghe và thực hiện
- Về nhà làm thí nghiệm đơn giản chứng minh sự biến đổi hóa học	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Địa lí
TIẾT 17: ÔN TẬP HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được các kiến thức đã học về địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức độ đơn giản.
- Nêu tên và chỉ được một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn, các đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ.
- Chăm chỉ ôn tập

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam. GD bảo vệ môi trường : HS nắm được đặc điểm về môi trường tài nguyên và khai thác tài nguyên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS hát - Xác định và mô tả vị trí giới hạn của nước ta trên bản đồ. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS hát - HS mô tả - HS nghe - Hs ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(28phút) <i>* Mục tiêu:</i> Hiểu được các kiến thức đã học về địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức độ đơn giản. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Hoạt động 1: Làm việc cá nhân. - Giáo viên phát phiếu học tập cho học sinh - Yêu cầu HS làm bài - Giáo viên sửa chữa những chỗ còn sai. Hoạt động 2: Hoạt động nhóm. - Giáo viên cho học sinh thảo luận nhóm theo câu hỏi. 1. Nêu đặc điểm chính của địa hình, khí hậu, sông ngòi đất và rừng của nước ta.	- Học sinh tô màu vào lược đồ để xác định giới hạn phần đất liền của Việt Nam. - Điền tên: Trung Quốc, Lào, Căm-pu-chia, Biển Đông, Hoàng Sa, Trường Sa và lược đồ. - Học sinh thảo luận nhóm trình bày kết quả. + Địa hình: 3/4 diện tích phần đất liền là đồi núi và 1/4 diện tích phần đất liền

2. Nêu đặc điểm về dân số nước ta. 3. Nêu tên 1 số cây trồng chính ở nước ta? Cây nào được trồng nhiều nhất? 4. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố ở đâu? 5. Nước ta có những loại hình giao thông vận tải nào? 6. Kể tên các sân bay quốc tế của nước ta? - Giáo viên gọi các nhóm trình bày. - Nhận xét bổ xung.	là đồng bằng. + Khí hậu: Có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ cao, gió mùa thay đổi theo mùa. + Sông ngòi: có nhiều sông nhưng ít sông lớn, có lượng nước thay đổi theo mùa. + Đất: có hai loại đó là đất phe ra lít và đất phù sa. + Rừng: có rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn. - Nước ta có số dân đông đứng thứ 3 trong các nước ở Đông Nam Á và là 1 trong những nước đông dân trên thế giới. - Cây lúa, cây ăn quả, cây công nghiệp như cà phê, cao su, ... trong đó cây trồng chính là cây lúa. - Các ngành công nghiệp của nước ta phân bố chủ yếu ở các vùng đồng bằng và ven biển. - Đường ô tô, đường biển, đường hàng không, đường sắt, ... - Sân bay Nội Bài, sân bay Đà Nẵng, sân bay Tân Sơn Nhất.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Địa hình, khí hậu nước ta có những thuận lợi, khó khăn gì cho sự phát triển của ngành nông nghiệp ?	- HS nêu
- Tìm hiểu một số cây trồng chính ở địa phương em.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

* Bài 4: - Gọi 1 HS đọc đề bài - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS quan sát hình, dùng ê ke để kiểm tra và nêu đường cao, đáy của hình tam giác. - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * Bài 5: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - Chữa bài nhận xét.	- 1 em đọc - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - Lắng nghe, ghi nhớ
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng làm phép tính sau: $(48,2 + 22,69) : 8,5$	- HS làm bài $(48,2 + 22,69) : 8,5 = 70,89 : 8,5$ $= 8,34$
- Về nhà tìm các bài toán liên quan đến các phép tính với số thập phân để làm thêm	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 29 tháng 12 năm 2023

Toán

TIẾT 85: HÌNH TAM GIÁC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đặc điểm của hình tam giác có: ba cạnh, ba đỉnh, ba góc.
- Phân biệt 3 dạng hình tam giác (phân loại theo góc)
- Nhận biết đáy và đường cao (tương ứng) của hình tam giác.
- Rèn học sinh vẽ đường cao nhanh, chính xác.
- HS làm bài 1, 2.

2. Năng lực chung: Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

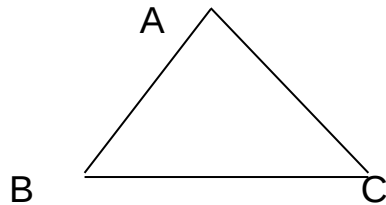
Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Chia HS thành các đội, thi nhau xếp nhanh 6 que tính để được: 1 hình tam giác, 2 hình tam giác, 4 hình tam giác.. theo yêu cầu của quản trò. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài- Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Biết: - Đặc điểm của hình tam giác có: ba cạnh, ba đỉnh, ba góc. - Phân biệt 3 dạng hình tam giác (phân loại theo góc) - Nhận biết đáy và đường cao (tương ứng) của hình tam giác. <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>Giới thiệu đặc điểm của hình tam giác</i> - GV vẽ lên bảng hình tam giác ABC và yêu cầu HS nêu rõ : + Số cạnh và tên các cạnh của hình tam giác ABC. + Số đỉnh và tên các đỉnh của hình tam giác. + Số góc và tên các góc của hình tam giác ABC.	- 1 HS lên bảng vừa chỉ vào hình vừa nêu. HS cả lớp theo dõi và bổ xung ý kiến. + Hình tam giác ABC có 3 cạnh là : cạnh AB, cạnh AC, cạnh BC. + Hình tam giác ABC có ba đỉnh là: đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C. + Hình tam giác ABC có ba góc là : Góc đỉnh A, cạnh AB và AC (góc A) Góc đỉnh B, cạnh BA và BC (góc B)

- Như vậy hình tam giác ABC là hình có 3 cạnh, 3 góc, 3 đỉnh.

Giới thiệu ba dạng hình tam giác.

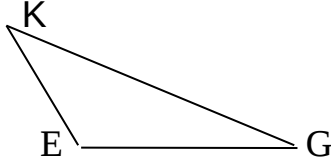
- GV vẽ lên bảng 3 hình tam giác như SGK và yêu cầu HS nêu rõ tên các góc, dạng góc của từng hình tam giác.

+ Hình tam giác ABC có 3 góc nhọn.



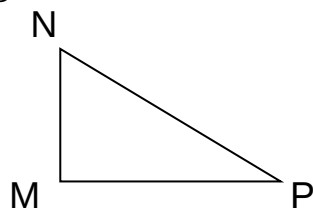
Hình tam giác có 3 góc nhọn

+ Hình tam giác EKG có 1 góc tù và hai góc nhọn.



Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn.

+ Hình tam giác MNP có 1 góc vuông.



Hình tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn(tam giác vuông)

- GV giới thiệu : Dựa vào các góc của các hình tam giác, người ta chia các hình tam giác làm 3 dạng hình khác nhau đó là :

+ Hình tam giác có 3 góc nhọn.

+ Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn.

+ Hình tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn.

- GV vẽ lên bảng một số hình tam giác có đủ 3 dạng trên và yêu cầu HS nhận dạng từng hình.

Giới thiệu đáy và đường cao của hình tam giác.

Góc đỉnh C, cạnh CA và CB (góc C)

- HS quan sát các hình tam giác và nêu :

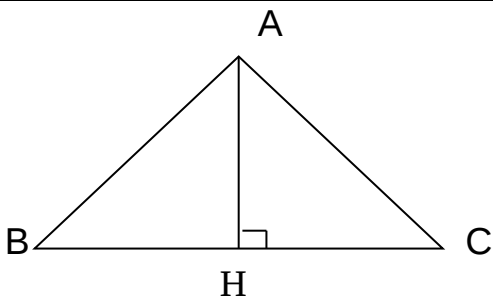
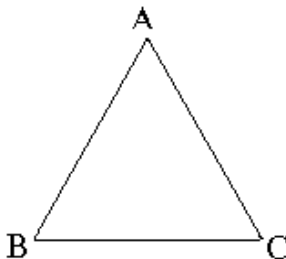
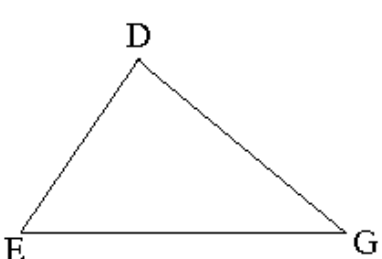
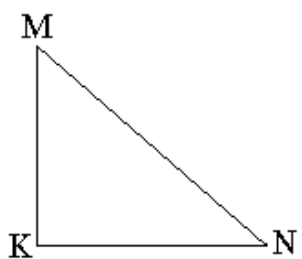
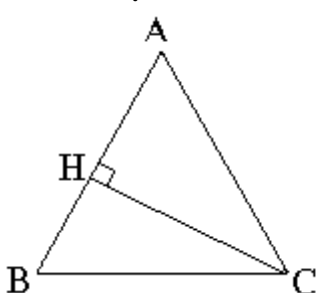
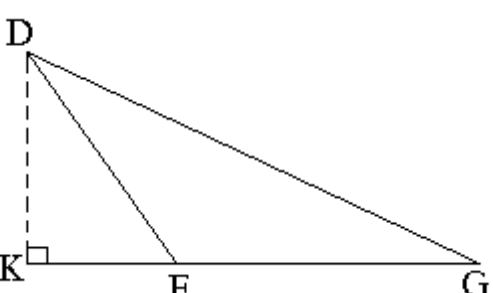
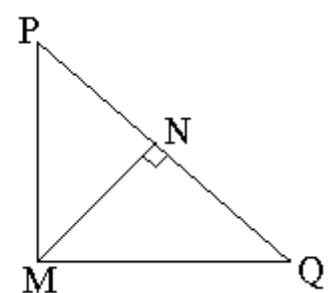
+ Hình tam giác ABC có 3 góc A, B, C đều là góc nhọn.

+ Hình tam giác EKG có góc E là góc tù và hai góc K, G là hai góc nhọn.

+ Hình tam giác MNP có góc M là góc vuông và hai góc N, P là 2 góc nhọn.

- HS nghe.

- HS thực hành nhận biết 3 dạng hình tam giác.

 - GV giới thiệu: Trong hình tam giác ABC có: + BC là đáy. + AH là đường cao tương ứng với đáy BC. + Độ dài AH là chiều cao. - GV yêu cầu : Hãy quan sát hình và mô tả đặc điểm của đường cao AH.	- HS quan sát hình. - HS cùng quan sát, trao đổi và rút ra kết luận : đường cao AH của tam giác ABC đi qua đỉnh A và vuông góc với đáy BC.
3. HD luyện tập, thực hành: (15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Vận dụng được kiến thức làm được các bài tập có liên quan. - HS làm bài 1, 2 . <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: Cá nhân - GV gọi HS đọc đề bài toán và tự làm. - GV gọi HS chia sẻ kết quả - GV nhận xét  Tam giác ABC có 3 góc A, B, C 3 cạnh: AB, BC, CA  Trong tam giác DEG 3 góc là góc D, E, G 3 cạnh: DE, EG, DG  Tam giác MNK có: 3 góc là góc M, N, K 3 cạnh: MN, NK, KM Bài 2: Cá nhân - GV yêu cầu HS quan sát hình, dùng êke kiểm tra và nêu đường cao, đáy tương ứng của từng hình tam giác. - GV nhận xét  Tam giác ABC có đường  Tam giác DEG có đường  Tam giác MPQ	

có đường cao CH	cao DK	cao MN
Bài 3(M3,4): Cá nhân - Cho HS đọc bài, quan sát tự làm bài - GV quan sát giúp đỡ HS - HS chia sẻ trước lớp kết quả a) Hình tam giác ADE và hình tam giác EDH có 6 ô vuông và 4 nửa ô vuông. Hai hình tam giác đó có diện tích bằng nhau. b) Tương tự : Hai hình tam giác EBC và EHC có diện tích bằng nhau. c) Từ a và b suy ra diện tích hình chữ nhật ABCD gấp 2 lần diện tích hình tam giác EDC.		
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)		
- Hình tam giác có đặc điểm gì ?	- HS nêu	
- Về nhà tập vẽ các loại hình tam giác và 3 đường cao tương ứng của chúng	- HS nghe và thực hiện	

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu
TIẾT 34: ÔN TẬP VỀ CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được một câu hỏi, 1 câu kể, 1 câu cảm, một câu khiến và nêu được dấu hiệu của mỗi kiểu câu đó.(BT1) .
- Phân loại được các kiểu câu kể (Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?), xác định được chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu theo yêu cầu của BT2 .
- Rèn kĩ năng nhận biết các kiểu câu đã học.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS thi đặt câu lần lượt với các yêu cầu: + Câu có từ đồng nghĩa + Câu có từ đồng âm + Câu có từ nhiều nghĩa - Gọi HS nhận xét bài của bạn - Nhận xét đánh giá - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đặt câu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Tìm được một câu hỏi, 1 câu kể, 1 câu cảm, một câu khiến và nêu được dấu hiệu của mỗi kiểu câu đó.(BT1) . - Phân loại được các kiểu câu kể (Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?), xác định được chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu theo yêu cầu của BT2 . <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài tập 1: Cá nhân - Gọi HS nêu yêu cầu + Câu hỏi dùng để làm gì? Có thể nhận ra câu hỏi bằng dấu hiệu gì? + Câu kể dùng để làm gì? Có thể nhận ra câu kể bằng dấu hiệu gì? + Câu cầu khiến dùng để làm gì? Có	- Đọc mẫu chuyện vui sau và thực hiện nhiệm vụ nêu ở bên dưới: - Dùng để hỏi về điều chưa biết. Nhận biết bằng dấu chấm hỏi - Dùng để kể, tả, giới thiệu, bày tỏ ý kiến, tâm tư, tình cảm. Nhận biết bằng dấu chấm - Dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong

thể nhận ra câu cầu khiến bằng dấu hiệu gì? + Câu cảm dùng để làm gì? - Treo bảng phụ có ghi sẵn nội dung cần ghi nhớ. Yêu cầu HS đọc - Yêu cầu HS tự làm bài tập - GV nhận xét chữa bài	muốn. Nhận biết bằng dấu chấm than, dấu chấm. - Dùng để bộc lộ cảm xúc. Nhận biết bằng dấu chấm than. - HS đọc
Bài 2: Cá nhân - Gọi HS nêu yêu cầu + Có những kiểu câu kể nào? Chủ ngữ, vị ngữ trong câu kiểu đó trả lời câu hỏi nào? - Treo bảng phụ ghi sẵn nội dung cần ghi nhớ, yêu cầu HS đọc - Yêu cầu HS tự làm bài tập - Gọi HS lên chia sẻ - GV nhận xét kết luận	- HS nêu - HS lần lượt trả lời: Ai làm gì? Ai là gì? Ai thế nào? - HS đọc - HS làm bài - Vài HS lên chia sẻ
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Cho HS đặt câu kể theo các mẫu câu: Ai là gì ? Ai làm gì ? Ai thế nào ?	- HS đặt câu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Tập làm văn
TIẾT 34: LUYỆN TẬP VĂN TẢ NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết rút kinh nghiệm để làm tốt bài văn tả người (bố cục, trình tự miêu tả, chọn lọc chi tiết, cách diễn đạt, trình bày)
- Nhận biết được lỗi trong bài văn và viết lại một đoạn văn cho đúng.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Có tinh thần học hỏi những câu văn hay, đoạn văn hay của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS đọc đơn - Nhận xét <i>Đơn xin học môn tự chọn</i> của 3 HS - Nhận xét ý thức học bài của HS - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS đọc đơn - HS nghe - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Biết rút kinh nghiệm để làm tốt bài văn tả người (bố cục, trình tự miêu tả, chọn lọc chi tiết, cách diễn đạt, trình bày) * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Gọi HS đọc lại đề Tập làm văn - Yêu cầu HS chọn 1 trong 3 đề còn lại để làm bài văn. - GV nhận xét chung	- HS đọc đề bài - HS chú ý: - Hiểu bài, viết đúng yêu cầu của đề - Bố cục của bài văn - Diễn đạt câu, ý - Dùng từ nổi bật lên hình dáng, hoạt động tính tình của người được tả - Thể hiện sự sáng tạo trong cách dùng từ, dùng hình ảnh miêu tả hình dáng tính tình hoạt động của người được tả - Chính tả, hình thức trình bày... - GV nêu tên từng HS viết bài đúng yêu cầu... - Lỗi chính tả - Lỗi dùng từ, diễn đạt ý, đặt câu, cách trình bày... - HS chữa lỗi

- Cho HS làm bài - Gọi 1 số HS đọc bài làm của mình. - Gọi ý HS viết lại đoạn văn khi : + Đoạn văn có nhiều lỗi chính tả + Đoạn văn lủng củng diễn đạt chưa hay + Mở bài kết bài còn đơn giản - Gọi HS đọc lại đoạn văn đã viết lại - Nhận xét	- HS xem lại bài của mình. - 2 HS trao đổi về bài của mình. - HS lắng nghe - HS chọn viết lại một đoạn trong bài - 3 HS đọc lại bài của mình
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Qua tiết học này, em học được điều gì ?	- HS nêu
- Về nhà viết lại bài văn cho hay hơn.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

CỦNG CỐ VỀ CÁCH VIẾT ĐƠN**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Cung cố cho học sinh về cách viết đơn.
- Có kĩ năng viết đơn từ.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Cần thận khi làm bài, yêu thích môn học.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC****1. Giáo viên:** bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet**2. Học sinh:** vở Luyện tập TV: Tiết 3 tuần 17**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: 1. <u>Bài 4(100):</u> - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài YC gì? - YC HS tự làm bài. - Gọi HS nhận xét. - GV chốt lời giải đúng - GV Cuối câu kể, câu hỏi, câu cảm là dấu câu gì? 2. Tập làm văn - Yêu cầu HS đọc đề bài - GV hướng dẫn HS nắm rõ yêu cầu của đề bài. - GV: xác định đối tượng để để viết đơn. - Gọi HS đọc gợi ý. - HS tự làm viết đơn dựa vào các gợi ý trong SGK. - Gọi HS đọc bài làm. - GV nhận xét và chỉnh sửa câu từ cho HS	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 HS đọc y/c bài - HS làm theo YC, 4 HS lên bảng - HS trình bày, HS khác nhận xét bổ xung. - HS thi đua trả lời - Hs đọc bài - HS tìm hiểu đề bài - HS lắng nghe - HS đọc - HS làm bài, 1 HS làm bảng phụ. - 1 Vài HS đọc lá đơn mình viết. - HS nhận xét
Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	

- Nắm lại cấu tạo của 1 lá đơn	- HS trả lời
- Dặn HS chuẩn bị bài ngày hôm sau.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

SINH HOẠT LỚP

TUẦN 17

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nắm được ưu điểm và nhược điểm về các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh, và việc thực hiện nội quy của trường của lớp.
- HS đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch tuần tiếp theo.

2. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác nhóm.

3. Phẩm chất: Yêu trường, yêu lớp, yêu thầy cô, bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: - Gọi lớp trưởng lên điều hành: 2. Nội dung sinh hoạt: a. Giới thiệu: - GV hỏi để học sinh nêu 3 nội dung hoặc giáo viên nêu. 1. Đánh giá nhận xét hoạt động tuần vừa qua. 2. Xây dựng kế hoạch cho tuần sau. 3. Sinh hoạt theo chủ điểm b. Tiến hành sinh hoạt: *Hoạt động 1: Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần Gv gọi lớp trưởng lên điều hành. - Nề nếp: - Học tập: - Vệ sinh: - Hoạt động khác GV: nhấn mạnh và bổ sung: - Một số bạn còn chưa có ý thức trong công tác vệ sinh. - Sách vở, đồ dùng học tập - Kỹ năng chào hỏi ? Để giữ cho trường lớp xanh - sạch- đẹp ta phải làm gì? ? Để thể hiện sự tôn trọng đối với người khác ta cần làm gì? *H. động 2: Xây dựng kế hoạch trong tuần - GV giao nhiệm vụ: Các nhóm hãy thảo	- Lớp trưởng lên điều hành: - Cả lớp cùng thực hiện. - HS lắng nghe và trả lời. - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm: + Tổ 1 + Tổ 2 + Tổ 3 - HS lắng nghe. - HS trả lời - Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận

